| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1931/PAP-TCHC | *Đồng Nai, ngày 06 tháng 12 năm 2024* |

# CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Mã chứng khoán: PAP

Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513 685588; Fax: 02513 685599

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Hoằng

Chức vụ: Trưởng phòng TCHC/ Thư ký HĐQT

Loại thông tin công bố: Bất thường (24h)

Nội dung thông tin công bố: Ngày 06/12/2024 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ban hành Nghị quyết:

- Nghị quyết số 99/NQ - PAP về Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới của Công ty.
- Nghị quyết 100/NQ - PAP về thông qua Hợp đồng nguyên tắc Thuê xe đầu kéo, Sơ mi rơ moóc phục vụ nhu cầu sản suất kinh doanh của Công ty với Công ty TNHH MTV ĐTXD Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào cùng ngày tại đường dẫn www.pap.vn. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**
**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
DN: C=VN, L=ĐỒNG NAI, O=SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3601010336, E=PHUOCANPORT@VNN.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.12.07 17:13:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0

Nguyễn Văn Hoằng

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 99/NQ - PAP | *Đồng Nai, ngày 06 tháng 12 năm 2024* |

# NGHỊ QUYẾT

V/v Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới của Công ty

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 98/BB - PAP ngày 06/12/2024.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới của Công ty theo Báo cáo số 1917/BC - PAP ngày 04/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Trưởng BKS PAP;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 3601078336 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

**Nguyễn Thành Đạt**

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN** | **CỘNG HÒA XÃ Hội CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1917/BC - PAP | *Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2024* |

# BÁO CÁO

V/v Tình hình thực hiện năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới của Công ty

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty

Thực hiện Nghị Quyết của ĐHĐCĐ thường niên về thông qua các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT Công ty tình hình thực hiện năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới của Công ty, cụ thể như sau:

## I. Kết quả, tình hình thực hiện năm 2024

### 1. Tăng vốn điều lệ Công ty

Công ty đã hoàn thành hồ sơ tăng vốn được UBCK nhà nước chấp thuận tại văn bản số 4287/UBCK-QLCB ngày 10/07/2024 và đã thông báo đến các nhà đầu tư được mua cổ phiếu, theo đó thời gian để các nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu từ ngày 15/07/2024 đến ngày 31/07/2024. Tuy nhiên, vì những nguyên nhân khách quan các nhà đầu tư chỉ nộp và đăng ký mua 32 triệu cổ phiếu thay vì 38 triệu như dự kiến, do đó Công ty chỉ hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 2.320 tỷ đồng và được UBCK nhà nước chấp thuận tại văn bản số 4692/UBCK – QLCB ngày 26/07/2024, được Tổng Công ty lưu ký chứng khoán chấp nhận thay đổi đăng ký bổ sung tại Văn bản số 6461/CNVSDC ngày 05/08/2024 và Cấp Chứng nhận đăng ký Chứng khoán thay đổi lần thứ 5 số 28/2014/GCNCP – VSDC – 5 ngày 05/08/2024 được Sở KHĐT chấp thuận điều chỉnh giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 12 ngày 07/08/2024 tương ứng với số lượng cổ phần tăng thêm, được Sở Giao dịch chứng khoán chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Quyết định số 1224/QĐ – SGDHN ngày 03/12/2024. Phần vốn tăng thêm hiện Công ty quản lý và sử dụng đúng theo phương án sử dụng vốn được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.

**2. Điều chỉnh dự án:** Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã chấp thuận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7530322848 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/07/2024 của Dự án Đầu tư xây dựng cảng Phước An theo đó tiến độ đầu tư dự án được điều chỉnh từ năm 2017 - 2024 thành từ năm 2017 - 7/2026. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục liên quan để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An cho phù hợp với quy hoạch của tỉnh Đồng Nai.

### 3. Bồi thường giải phóng mặt bằng

- Dự án Đầu tư xây dựng cảng Phước An: Hoàn thành bồi thường được UBND tỉnh Đồng Nai giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 157,3ha sẵn sàng cho việc đầu tư xây dựng các Phân kỳ của dự án.

- Dự án Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An (logistics):

+ Công ty đã chuyển toàn bộ kinh phí bồi thường theo các Quyết định của UBND huyện Nhơn Trạch, TTPTQĐ huyện đã chi trả bồi thường cho các hộ dân với tổng diện tích khoảng 527 ha và UBND tỉnh Đồng Nai đã ký Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ ngày 02/02/2015, số 11/HĐTĐ ngày 27/5/2022 và số 02/HĐTĐ ngày 15/02/2024 với tổng diện tích diện tích 496,27 ha/550,4 ha.

+ Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 475 ha/ 496,27ha đã ký hợp đồng. Phần diện tích 11,28 ha của Hợp đồng thuê đất số 02/HĐTĐ ngày 15/02/2024 Công ty đang phối hợp với cơ quan thẩm quyền hoàn thiện hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời đang phối hợp với cấp thẩm quyền hoàn thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các diện tích còn lại theo hợp đồng thuê đất đã ký.

+ Phần diện tích hoàn thành công tác bồi thường còn lại khoảng 22ha được UBND huyện xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại văn bản số 4877/UBND-TN ngày 20/06/2022, Công ty đã nộp hồ sơ thuê đất/ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Sở TNMT xem xét, hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh quyết định làm cơ sở ký hợp đồng thuê đất/cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, đang phối hợp với TTPTQĐ huyện và Hội đồng bồi thường trong việc vận động các trường hợp chưa nhận tiền bồi thường, giải quyết các trường hợp vướng mắt về tranh chấp, vượt hạn mức, tái định cư, chưa có quyết định thu hồi… với diện tích còn lại khoảng 23 ha để hoàn thành bồi thường nhận bàn giao, ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để triển khai dự án.

**4. Tình hình đầu tư xây dựng**

**- Dự án đầu tư Xây dựng Cảng Phước An:**

+ **Phân kỳ 1:** Hoàn thành xây dựng Phân kỳ 1 dự án Cảng Phước An với chiều dài cầu cảng 670m, và diện tích đường bãi, kho xưởng khoảng 43,2ha được Cục Quản lý Đầu tư xây dựng chấp thuận kết quả nghiệm thu tại văn bản số 1913/CQLXD – CCPN ngày 17/07/2024 cho cầu cảng số 6 của Phân kỳ 1. Đối với cầu cảng số 5 của Phân kỳ 1 công ty đã hoàn thiện các thủ tục liên quan hiện Cục Quản lý Đầu tư xây kiểm tra nghiệm thu làm cơ sở triển khai thực hiện.

+ **Phân kỳ 2:** Công ty phối hợp với đơn vị tư vấn lập Hồ sơ Phân kỳ 2 – Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An được Viện Xây dựng Công trình biển thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi tại văn bản số 299/2024/BCTT ngày 4/11/2024, được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng tại Nghị quyết số 95-NQ-PAP ngày 04/11/2024, đang được Cục Quản lý Đầu tư xây dựng – Bộ Giao thông thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi. Hiện tại, Công ty đang triển khai các thủ tục liên quan trình Hội đồng quản trị phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Phân kỳ 2 – Dự án Đầu tư xây dựng cảng Phước An sau khi có kết quả nghiệm thu Báo cáo nghiên cứu khả thi làm cơ sở triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng.

**- Dự án Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần:** Đã hoàn thành dọn dẹp và san lấp mặt bằng phần diện tích đã hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng.

**5. Đầu tư máy móc thiết bị**

Công ty đã hoàn thành việc nhập khẩu máy móc thiết bị 04 STS, 09 ATG, 02 xe điện, 16 xe đầu kéo nội bộ, 02 xe nâng hàng, hệ thống CNTT, phềm mềm khai thác, hệ thống máy tính trang thiết bị văn phòng sẵn sàng cho việc vận hành khai thác.

**6. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý để khai thác**

Công ty đã hoàn thành các thủ tục liên quan của Phân kỳ 1 dự án Cảng Phước An để bước vào giai đoạn vận hành khai thác cụ thể:

- Hoàn thành việc nạo vét khu nước trước bến được Tổng công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam ra thông báo hàng hải tại thông báo số 64/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 22/03/2024 và thông báo hàng hải cho vũng quay tàu tại thông báo số 181/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 22/07/2024;

- Được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 27/06/2024;

- Được Cục Hàng Hải - Bộ GTVT phê duyệt Kế hoạch An ninh cảng biển và cấp Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển số IPS/SoCPF/329/VN ngày 02/07/2024;

- Được Cục QLĐTXD- Bộ GTVT kiểm tra và Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng tại văn bản số 1913/CQLXD-CCPN ngày 17/07/2024;

- Được Cục Cảnh sát PCCC và CNCH- Bộ Công an nghiệm thu hạng mục PCCC và thông báo nghiệm thu hoàn thành (một phần) tại văn bản số 2543/NT-PCCC ngày 21/08/2024.

- Được Cục Hàng hải- Bộ GTVT công bố mở cảng biển tại Quyết định số 1289/QĐ-CHHVN ngày 23/08/2024;

- Được Tổng cục Hải quan công nhận địa điểm đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát Hải quan tại Bến Cảng Phước An tại Quyết định số 2159/QĐ – TCHQ ngày 13/09/2024;

- Được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 415/GPMT - BTNMT ngày 09/10/2024 cho dự án Cảng Phước An;

- Được Cục Hàng Hải Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 35/2024 GCN – CHHVN ngày 14/10/2024 chứng nhận Đủ điều kiện kinh doanh khai thác Cảng biển đối với cầu cảng số 6;

- Được Cục Cảnh sát PCCC và CNCH nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy nghiệm thu nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy cho Phân kỳ 1 dự án tại văn bản số 3509/NT-PCCC ngày 25/11/2024.

Hiện tại, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục liên quan để sẵn sàng đưa vào khai thác dự án.

**7. Chuyển đổi công năng khu dịch vụ hậu cần**

Khu công nghiệp Phước An có quy mô 330ha đã được thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung vào quy hoạch các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 111/QĐ-TTg ngày 28/01/2021 và đã được điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất từ đất thương mại dịch vụ thành đất công nghiệp tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, được Thủ tướng Chính Phủ điều chỉnh chức năng sử dụng đất thành đất công nghiệp tại Quyết định số 862/QĐ - TTg ngày 16/08/2024, được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận tổ chức lập quy hoạch phân khu chức năng tại văn bản số 14106/UBND - KTN ngày 26/12/2023 và Ban Quản lý các khu Công nghiệp đang thực hiện lập quy hoạch phân khu các khu công nghiệp. Ngay sau khi Quy hoạch phân khu khu Công nghiệp Phước An được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt, Công ty sẽ nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư khu công nghiệp Phước An trình cấp thẩm quyền phê duyệt làm cở sở triển khai đầu tư xây dựng.

Đối với phần diện tích đất còn lại (khoảng 225ha) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thành Khu công nghiệp Phước An giai đoạn 2 tại Quyết định số định 586/QĐ-TTg ngày 03/07/2024 về Phê duyệt quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Hiện tại, UBND tỉnh Đồng Nai đang lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch trong đó bổ sung 225,24 vào quy hoạch Khu Công nghiệp huyện Nhơn Trạch. Sau khi Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư khu Công nghiệp theo quy định hiện hành.

**7. Quy hoạch Bến thủy nội địa sau cảng**

UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương bổ sung quy hoạch bến thuỷ nội địa tiếp giáp sông Gò Gia tại xã Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai theo văn bản số 5909/UBND - KTN ngày 13/06/2023 và văn bản số 10662/UBND-KTN ngày 12/10/2023. Hiện tại, UBND tỉnh Đồng Nai đang lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch trong đó bổ sung Bến Thủy nội địa xã Phước An vào quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch điều chỉnh trình Thủ tướng chính phủ xem xét phê duyệt. Công ty sẽ triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư Bến Thủy nội địa sau khi Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung Đô thị Nhơn Trạch được phê duyệt.

**8. Hợp tác kinh doanh/ đầu tư:** Công ty đang tích cực làm việc với các nhà đầu tư, nhà sản xuất, đơn vị vận tải, hãng tàu, tham gia các sự kiện lớn của UBND tỉnh Đồng Nai, Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu … để giới thiệu các dịch vụ của Cảng Phước An để tìm kiếm các cơ hội hợp tác, sử dụng dịch vụ của Cảng trong thời gian tới.

**9. Cơ cấu tổ chức:** Công ty đã hoàn thành sơ đồ tổ chức quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng/ ban Công ty, nhằm đáp ứng và chuẩn bị sẵn sàng cho việc khai thác Phân kỳ 1 dự án Cảng Phước An. Trong thời gian tới Công ty sẽ kiện toàn cơ cấu tổ chức để đáp ứng nhu cầu khai thác dự án.

## II. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

### 1. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính 9 tháng năm 2024

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị | Thực hiện | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng tài sản | Tỷ đồng | 6.692,02 | |
| 2 | Vốn của chủ sở hữu | Tỷ đồng | 2.479,72 | |
| 3 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.320,00 | |
| 4 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 15,02 | |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 6,50 | |
| 6 | Nợ phải trả | Tỷ đồng | 4.212,30 | |
| 7 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 0 | |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 6,50 | |

### 2. Thực hiện chi phí đầu tư, xây dựng 9 tháng năm 2024

| Stt | Nội dung | Giải ngân năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí Đầu tư xây dựng (tỷ đồng) | 2.022,25 | 5.912,51 | |

*Chi tiết theo Báo cáo tài chính quý III/2024 đính kèm*

## II. Kế hoạch triển khai trong thời gian tới

Hiện nay, Công ty đã hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ phần diện tích của dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, hoàn thành xây dựng Phân kỳ 1 được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu xây dựng, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, phê duyệt kế hoạch ứng phó tràn dầu, cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng biển, quyết định công bố mở cảng, cấp mã hải quan, mã cảng, chứng nhận môi trường sẵn sàng đưa vào vận hành khai thác. Đồng thời, đang triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng Phân kỳ 2 của Dự án đầu tư Xây dựng Cảng Phước An. Đối với dự án Đầu tư xây dựng khu Dịch vụ hậu cần Cảng Phước An đã cơ bản hoàn thành bồi thường, ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoàn thành chuẩn bị mặt bằng sẵn sàng cho việc đầu tư xây dựng hạ tầng các phân khu chức năng sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt.

Nhằm khai thác có hiệu quả Phân kỳ 1 - dự án Cảng Phước An, đáp ứng nhu cầu hàng hóa của các khách hàng trong và ngoài khu vực, tăng hiệu quả đầu tư, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông làm cơ sở đầu tư các phân kỳ còn lại, Công ty sẽ triển khai một số công việc trong thời gian tới, cụ thể:

1. Hoàn thành các thủ tục liên quan và khai thác có hiệu quả Phân kỳ 1 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An nhằm đáp ứng một phần nhu cầu hàng hóa của các khách hàng trong và ngoài khu vực, tăng hiệu quả đầu tư, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông làm cơ sở đầu tư các phân kỳ tiếp theo.

2. Triển khai đầu tư xây dựng Phân kỳ 2 – Dự án đầu tư Xây dựng Cảng Phước An để sớm đưa vào khai thác trong năm 2026.

3. Thực hiện tăng vốn điều lệ Công ty để đảm bảo vốn đối ứng triển khai xây dựng Phân kỳ 2 - Dự án đầu tư Xây dựng Cảng Phước An.

4. Hoàn thành bồi thường, ký hợp đồng thuê đất/ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận bàn giao toàn bộ phần diện tích còn lại của Dự án Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An (logistics). Quản lý toàn bộ phần diện tích đất của dự án đảm bảo nguyên trạng không bị tái lấn chiếm sẵn sàng đưa vào sử dụng.

5. Thực hiện các thủ tục liên quan đến điều chỉnh tiến độ của Dự án Đầu tư xây dựng cảng Phước An cho phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thủ tướng chính phủ phê duyệt.

6. Thực hiện các thủ tục liên quan đến điều chỉnh tiến độ của Dự án Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An (logistics) phù hợp với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới huyện Nhơn Trạch và Quy hoạch phân khu Khu Công nghiệp Phước An (1/2.000) của tỉnh Đồng Nai được phê duyệt.

7. Triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh có hiệu quả dự án khu Dịch vụ hậu cần, Khu công nghiệp Phước An nhằm sớm đáp ứng một phần nhu cầu thị trường trong và ngoài khu vực và thu hút hợp tác đầu tư tham gia vào dự án sau khi Đồ án điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới huyện Nhơn Trạch và Quy hoạch phân khu Khu Công nghiệp Phước An (1/2.000) được phê duyệt.

8. Xây dựng kế hoạch tăng vốn điều lệ/ huy động vốn trong giai đoạn tiếp theo trình cấp thẩm quyền xem xét/ phê duyệt nhằm đảm bảo bố trí đủ vốn thực hiện dự án theo tiến độ triển khai.

9. Thực hiện các thủ tục liên quan trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng các bến cảng còn lại của Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

10. Đẩy mạnh công tác hợp tác đầu tư để mời gọi các nhà đầu tư tham gia đầu tư vào dự án cảng Phước An và khu Dịch vụ hậu cần.

Trân trọng./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trương Hoàng Hải

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- BKS Cty PAP;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# Tại ngày 30.09.2024

**Đồng Nai, ngày 17 tháng 10 năm 2024**

**CÔNG TY CP DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**
Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An,huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**Mẫu số B01a-DN**
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

**Quý 3 năm 2024**

***Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024***

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **A - TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **771.174.829.137** | **537.649.102.008** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | | **164.473.593.207** | **103.248.204.977** |
| 1.Tiền | 111 | | 353.593.207 | 1.628.204.977 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 164.120.000.000 | 101.620.000.000 |
| **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **0** | **0** |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **600.132.613.111** | **430.105.782.615** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | | |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 474.468.007.272 | 417.696.218.816 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 7.300.000.000 | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 118.364.605.839 | 12.409.563.799 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | | |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | | | |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **6.568.622.819** | **4.295.114.416** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 22.295.673 | 54.454.579 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 6.513.499.687 | 4.207.832.378 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 32.827.459 | 32.827.459 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 154 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | |
| **B - TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **5.920.848.858.158** | **3.899.185.597.631** |
| **I- Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **3.883.366.000** | **3.883.366.000** |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | 3.861.366.000 | 3.861.366.000 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | | |
| 4. Phải thu dài hạn nội bộ | 214 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 22.000.000 | 22.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **4.458.990.380** | **4.970.737.300** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 4.458.990.380 | 4.970.737.300 |
| - Nguyên giá | 222 | | 12.334.449.587 | 12.334.449.587 |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế (*) | 223 | | (7.875.459.207) | (7.363.712.287) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | |
| - Nguyên giá | 225 | | | |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế (*) | 226 | | | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | | |
| - Nguyên giá | 228 | | 41.733.000 | 41.733.000 |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế (*) | 229 | | (41.733.000) | (41.733.000) |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **230** | | | |
| - Nguyên giá | 231 | | | |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế (*) | 232 | | | |
| **IV. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | **5.912.506.501.778** | **3.890.264.266.325** |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 5.912.506.501.778 | 3.890.264.266.325 |
| **V. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | | |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | | |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (8.000.000.000) | (8.000.000.000) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| **VI. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | | **67.228.006** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | | 67.228.006 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **6.692.023.687.295** | **4.436.834.699.639** |
| **C – NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **4.212.303.758.486** | **2.347.557.310.931** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **296.487.297.625** | **1.199.620.056.508** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 5.451.403.457 | 2.362.998.048 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | | |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 415.822.942 | 103.225.912 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.781.465.492 | 1.193.388.466 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | | |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 317 | | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 27.598.551.883 | 1.071.787.190.231 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 259.200.000.000 | 123.000.000.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.040.053.851 | 1.173.253.851 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 324 | | | |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | **3.915.816.460.861** | **1.147.937.254.423** |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | | |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 1.148.352.263.014 | |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 2.767.464.197.847 | 1.147.937.254.423 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | | |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 343 | | | |
| **B - VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **2.479.719.928.809** | **2.089.277.388.708** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | | **2.479.719.928.809** | **2.089.277.388.708** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 2.320.000.000.000 | 2.000.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411A | | 2.320.000.000.000 | 2.000.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411B | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 155.781.000.000 | 91.835.000.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 9.285.641.372 | 9.285.641.372 |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.069.929.634 | 2.069.929.634 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (7.416.642.197) | (13.913.182.298) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421A | | (17.332.597.637) | (7.113.769.231) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421B | | 9.915.955.440 | (6.799.413.067) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | | |
| **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | | |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **6.692.023.687.295** | **4.436.834.699.639** |

*Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2024*

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| Phạm Thị Tố Uyên | Nguyễn Duy Hoà | Trương Hoàng Hải |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**
Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**Mẫu số B02a-DN**
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT/BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
**Quý 3 năm 2024**

*Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Quý III | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | | | | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02) | 10 | | | | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | | | | |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | | | | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 10.544.071.300 | | 15.021.071.300 | |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | | | 4.850.403.600 | |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | | | | |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 628.115.860 | 1.657.928.413 | 3.674.127.599 | 4.909.423.142 |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}** | **30** | | **9.915.955.440** | **(1.657.928.413)** | **6.496.540.101** | **(4.909.423.142)** |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | | | | |
| 12. Chi phí khác | 32 | | | | | 54.731.700 |
| **13. Lợi nhuận khác (40=31-32)** | **40** | | - | - | - | **(54.731.700)** |
| **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)** | **50** | | **9.915.955.440** | **(1.657.928.413)** | **6.496.540.101** | **(4.964.154.842)** |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | | | | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | | |
| **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)** | **60** | | **9.915.955.440** | **(1.657.928.413)** | **6.496.540.101** | **(4.964.154.842)** |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | | | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | | | | |

*Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2024*

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| Phạm Thị Tố Uyên | Nguyễn Duy Hoà | Trương Hoàng Hải |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**
Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**Mẫu số B03a – DN**
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

***(Theo phương pháp trực tiếp)***

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

*Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến 30.09.2024 | Lũy kế từ đầu năm đến 30.09.2023 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | **01** | | | |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (973.872.860.925) | (264.208.418.204) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (5.879.180.905) | (1.910.275.301) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | | |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | | |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 74.295.043.974 | 61.327.843.977 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (3.641.141.877) | (52.291.540.244) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | | **(909.098.139.733)** | **(257.082.389.772)** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (40.522.548.554) | (577.940.397.280) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (163.660.000.000) | (4.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 56.360.000.000 | 19.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | | |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | 30 | | ***(147.822.548.554)*** | ***(562.940.397.280)*** |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 384.000.000.000 | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 748.241.146.783 | 322.347.801.944 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (14.095.070.266) | (49.833.518.495) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | **36** | | | |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | **40** | | ***1.118.146.076.517*** | ***272.514.283.449*** |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 61.225.388.230 | (547.508.503.603) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 103.248.204.977 | 635.549.247.711 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | - |
| ***Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)*** | ***70*** | | ***164.473.593.207*** | ***88.040.744.108*** |

*Lập, ngày 14 tháng 10 năm 2024*

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| Phạm Thị Tố Uyên | Nguyễn Duy Hoà | Trương Hoàng Hải |

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Từ ngày 01/07/2024 đến hết 30/09/2024)

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

*1. Hình thức sở hữu vốn* : Cổ phần – Cổ đông đóng góp

*2. Lĩnh vực kinh doanh* : Đầu tư, Khai thác Cảng biển và các DV hậu cần dầu khí…

*3. Ngành nghề kinh doanh* : "Đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics và các dịch vụ khác có lien quan phù hợp với quy định pháp luật"

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :

*1. Kỳ kế toán năm*: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

*2. Đồng tiền sử dụng*: Đồng Việt Nam (VNĐ)

## III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

*1. Chế độ kế toán áp dụng*: Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam Theo *Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014* của Bộ trưởng BTC.

*2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán*: Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và cả năm.

*3. Hình thức kế toán áp dụng*: Nhật ký chung.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Theo chuẩn mực kế toán số 02 ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ Tài chính.

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ*: Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:** Theo chuẩn mực kế toán số 03+04 ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và chuẩn mực kế toán số 05 ban hành theo Quyết định số 203/2003/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)*: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)*: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài Chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:** Theo chuẩn mực kế toán số 05 Ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:** Theo chuẩn mực kế toán số 07+08+25 Ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và chuẩn mực kế toán số 18 về dự phòng giảm giá Ban hành và công bố theo Quyết định số 100/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:** Theo chuẩn mục số 01 Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:** Theo chuẩn mục số 01 Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:** Theo chuẩn mực kế toán số 18 Ban hành và công bố theo Quyết định số 100/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:** Theo chuẩn mục số 01 Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:** Theo chuẩn mực kế toán số 14 ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Doanh thu hợp đồng xây dựng

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:** Theo chuẩn mục số 01 và 16 Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:** Theo chuẩn mực kế toán số 17 ban hành và công bố theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 02 tháng 05 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:** Theo chuẩn mực kế toán số 10 Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:** Theo các chuẩn mực kế toán và quy định của nhà nước ban hành.

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| Phạm Thị Tố Uyên | Nguyễn Duy Hoà | Trương Hoàng Hải |

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 100/NQ - PAP | *Đồng Nai, ngày 06 tháng 12 năm 2024* |

# NGHỊ QUYẾT

V/v Thông qua Hợp đồng nguyên tắc Thuê xe đầu kéo và Sơ mi rơ moóc phục vụ nhu cầu sản suất kinh doanh của Công ty

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 98/BB - PAP ngày 06/12/2024.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1:** Thông qua Hợp đồng nguyên tắc Thuê xe đầu kéo, Sơ mi rơ moóc phục vụ nhu cầu sản suất kinh doanh của Công ty với Công ty TNHH MTV ĐTXD Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A, cụ thể:

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV ĐTXD Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A, cụ thể:

- Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 6, Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

- Điện Thoại : 0251 3566789;

- Mã số thuế : 3603205323

- Số lượng, chất lượng:

+ Số lượng: 50 xe đầu kéo kèm Sơ mi rơ moóc

+ Chất lượng: Chất lượng, thông số kỹ thuật thiết bị cho thuê phải đáp ứng yêu cầu và phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan; Đáp ứng mục đích của công việc. Phù hợp với quy mô, tính chất của Cảng Phước An.

+ Đơn giá: 60.000.000 đồng/ tháng/ 1 đầu kéo kèm Sơ mi rơ moóc tương ứng: 3.000.000.000/ tháng cho 50 đầu kéo kèm Sơ mi rơ moóc. (Đơn giá trên là thuê trọn gói, là cố định, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%, thuế giá trị gia tăng sẽ được tính theo quy định của pháp luật tại thời điểm thuê, đơn giá trên không bao gồm chi phí lái xe, thợ vận hành, chi phí bảo trì, bảo dưỡng, chi phí nhiên liệu).

- Thời gian thuê: 05 năm được tính từ thời gian bàn giao thiết bị.

Chi tiết theo Dự thảo hợp đồng nguyên tắc đính kèm

**Điều 2:** Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty triển khai ký kết hợp đồng, lựa chọn thời điểm thuê cho phù hợp với tình hình hoạt động công ty, phù hợp với việc khai thác cảng.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Trưởng BKS PAP;
- Lưu VT, HĐQT.

M.S.D.N: 3601010336 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

**Nguyễn Thành Đạt**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**--------o0o--------**

# DỰ THẢO
# HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

**GIỮA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**

**VÀ**

**CÔNG TY TNHH MTV ĐTXD KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 6A**

**Đồng Nai, tháng 12/2024**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**--- O0O ---**

# HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: /HĐNT/2024/PAP-NT6

*V/v Thuê xe đầu kéo, Sơ mi rơ moóc*

Căn cứ vào:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI;

- Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII;

- Nhu cầu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An và năng lực của Công ty TNHH MTV ĐTXD Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A.

*Hôm nay, ngày tháng năm 2024 chúng tôi gồm có*:

**BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**

Địa chỉ : Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An, Ấp Bà Trường, Xã Phước An, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0251 3685588 Fax: 0251 3685599

Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch

Số tài khoản : 113000171273

Mã số thuế : 3601010336

Đại diện : Ông **Trương Hoàng Hải**

Chức vụ : Tổng giám đốc

**BÊN B : CÔNG TY TNHH MTV ĐTXD KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 6A**

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 6, Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Điện Thoại : 0251 3566789

Mã số thuế : 3603205323

Ngân hàng :

Tài khoản số :

Đại diện : Ông **Nguyễn thành đạt**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

***Hai bên đồng ý ký Hợp Đồng nguyên tắc về việc thuê xe đầu kéo, Sơ mi rơ moóc ("Hợp Đồng") với các điều khoản như sau:***

## ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Theo như mục đích của Hợp Đồng này, trừ trường hợp thay đổi được 2 bên thỏa thuận bằng văn bản, các thuật ngữ sau có nghĩa là:

1.1. **"Bên thuê"** là Bên A hoặc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

1.2. **"Bên cho thuê"** là Bên B hoặc Công ty TNHH MTV ĐTXD Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A.

1.3. **"Đại diện Bên thuê"** là người được Bên mua nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và Điều hành công việc thay mặt cho Bên mua.

1.4. **"Đại diện Bên cho thuê"** là người được Bên bán nêu ra trong hợp đồng hoặc được Bên bán ủy quyền bằng văn bản và Điều hành công việc thay mặt Bên bán.

1.5. **"Bên"** là Bên thuê hoặc Bên cho thuê tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

1.6. **"Ngày làm việc"** là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.7. **"Thiết bị thuê"** là xe đầu kéo kèm Sơ mi rơ moóc đủ điều kiện lưu thông và vận chuyển hàng hóa thuộc sở hữu của Bên B và cho Bên A thuê theo yêu cầu của Bên A;

1.8. **"Luật"** là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.9. **"Hợp đồng"** là Hợp Đồng và tất cả các phụ lục đính kèm theo dưới đây.

1.10. **"Phụ lục"** là Các phụ lục đính kèm trong bản hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

Những tiêu đề của Hợp đồng chỉ có mục đích thuận tiện cho việc tham chiếu và không được sử dụng để diễn giải Hợp đồng.

Hợp Đồng này và các Phụ lục sẽ được đọc và hiểu đầy đủ trong trường hợp mâu thuẫn, khác biệt hoặc không thống nhất giữa Hợp Đồng này và quy định trong các Phụ lục, trừ khi được quy định rõ ràng khác, Hợp Đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng và thay thế quy định trong các Phụ lục

## ĐIỀU 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

Hồ sơ hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản, điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu được xếp theo thứ tự ưu tiên sau:

- Hợp đồng này

- Các phụ lục hợp đồng bao gồm:

+ Phụ lục 1. Thông số kỹ thuật của thiết bị

- Các tài liệu khác có liên quan.

Thứ tự ưu tiên của các tài liệu: những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ

thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất.

## ĐIỀU 3. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cho thuê thiết bị là 50 xe đầu kéo kèm Sơ mi rơ moóc đủ điều kiện lưu thông và vận chuyển hàng hóa (sau đây gọi là "thiết bị thuê") thuộc sở hữu của Bên B đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Bên A và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của nhà nước, để thực hiện công tác vận chuyển hàng hóa tại Cảng Phước An. Cụ thể như sau:

- Bên cho thuê cam kết và đảm bảo rằng có đầy đủ thẩm quyền theo quy định của pháp luật để thực hiện việc cung cấp thiết bị thuê cho Bên Thuê theo quy định của pháp luật và các quy định khác tại Hợp Đồng này.

- Bên Cho thuê cam kết không có bất kỳ vấn đề về tranh chấp, hoặc khiếu nại pháp luật liên quan đến quyền sở hữu của thiết bị thuê.

- Đảm bảo tính pháp lý của Thiết bị của Bên B theo các quy định hiện hành.

- Sau khi Bên Thuê đồng ý chấp thuận sử dụng thiết bị thuê của Bên Cho Thuê, Các Bên lập biên bản bàn giao thiết bị thuê để xác nhận về việc chấp nhận thiết bị thuê, tài liệu kèm theo (nếu có) và tình trạng cụ thể của thiết bị thuê đó.

Yêu cầu về chất lượng:

- Chất lượng, thông số kỹ thuật thiết bị của Bên B phải đáp ứng yêu cầu của Bên A; và phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan.

- Đáp ứng mục đích của công việc theo yêu cầu của Bên A. Phù hợp với quy mô, tính chất của Cảng Phước An. Bên B phải tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

## ĐIỀU 4. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN, THỜI GIAN THUÊ

- Bên B có trách nhiệm huy động, bàn giao thiết bị thuê cho Bên A trong vòng 15 ngày sau khi Bên A có yêu cầu vằn bằng bản hoặc email.

- Thời gian thuê trong vòng 5 năm kể từ ngày Bên B bàn giao thiết bị cho Bên A hoặc đến khi Bên A bàn giao trả thiết bị cho Bên B.

- Thời gian tính tiền thuê sẽ bắt đầu kể từ ngày người đại diện của Bên A thực hiện kiểm tra nhận bàn giao, ký các hồ sơ giao nhận đối với Bên B và thiết bị thuê về tới Cảng Phước An của Bên A cho đến khi Bên A bàn giao lại thiết bị thuê cho Bên B.

- Sau thời hạn hiệu lực của hợp đồng, Bên A không còn nợ Bên B về tất cả các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng này, thì hợp đồng này coi như đã được thanh lý và giá trị của hợp đồng không còn hiệu lực.

- Địa điểm bàn giao thiết bị thuê: Cảng Phước An của Bên A.

- Sau khi kiểm tra thiết bị thuê, hai bên ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao.

## ĐIỀU 5. ĐƠN GIÁ, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

| STT | Tên thiết bị | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá 1 tháng | Thành tiền 1 tháng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xe đầu kéo kèm Sơ mi rơ moóc 40" | xe | 50 | 60.000.000 | 3.000.000.000 | |

***Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn./.***

**Trong đó, các bên đồng ý và thống nhất rằng:**

- Đơn giá trên là thuê trọn gói.

- Đơn giá trên là cố định, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%, thuế giá trị gia tăng sẽ được tính theo quy định của pháp luật tại thời điểm thuê.

- Giá hợp đồng bao gồm: Chi phí khấu hao thiết bị, chi phí bảo hiểm thiết bị, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và toàn bộ các chi phí có liên quan của Bên B để hoàn thành công việc theo quy định hợp đồng.

- Đơn giá trên không bao gồm chi phí lái xe, thợ vận hành, chi phí bảo trì, bảo dưỡng, chi phí nhiên liệu.

- Chất lượng của thiết bị thuê: thiết bị mới 100%, đang trong tình trạng sử dụng tốt, không bị lỗi.

## ĐIỀU 6. THANH TOÁN

Thanh toán:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: thời gian thuê tính theo số ngày thuê thực tế, tại thời điểm ngày cuối hàng tháng, hai bên tiến hành xác nhận thời gian và giá trị thuê thiết bị. Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị tiền thuê trong vòng 10 ngày kể từ ngày hai bên xác nhận giá trị thuê và Bên B cung cấp các hồ sơ thanh toán cho Bên A. Trường hợp thời gian thuê không đủ số ngày trong tháng thì hai bên thống nhất tính theo số ngày thuê thực tế phát sinh nhân với đơn giá thuê theo ngày (đơn giá thuê theo ngày được tính bằng đơn giá thuê tháng chia cho 30 ngày).

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Biên bản xác nhận thời gian và giá trị thuê có xác nhận của Bên A (bản gốc);

+ Đề nghị thanh toán (bản gốc);

+ Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp theo quy định tại thời điểm hiện hành.

- Sau khi kết thúc thời hạn thuê, hai bên tiến hành đối chiếu đối chiếu công nợ và thanh quyết toán hợp đồng.

## ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

**Trách nhiệm của Bên A:**

- Cử cán bộ kiểm tra và nhận bàn giao thiết bị thuê, lập biên bản kèm theo để lấy cơ sở tính toán thời gian thuê, biên bản xác nhận phải có đầy đủ chữ ký của đại diện các bên;

- Có trách nhiệm quản lý thiết bị thuê trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu xảy ra hư hỏng thì bên A phải sửa chữa nguyên trạng trước khi trả cho Bên B.

- Xác nhận thiết bị bàn giao và thời gian thuê theo quy định hợp đồng đầy đủ cho Bên B. Trong trường hợp 10 ngày kể từ đến hạn xác nhận thời gian thuê để thanh toán, nếu Bên A không xác nhận thì được xác định là Bên A đồng ý với thời gian thuê do Bên B tính toán. Khi đó Bên A có nghĩa vụ thanh toán theo đúng quy định hợp đồng;

- Thiết bị thuê của Bên B giao cho Bên A thuê tại Cảng Phước An là sở hữu hợp pháp của Bên B, Bên A không có quyền cho đơn vị khác thuê lại hoặc cầm cố tài sản của Bên B.

**Trách nhiệm của Bên B:**

- Xuất Hóa đơn GTGT do bộ tài chính phát hành của mỗi đợt thanh toán.

- Đảm bảo chất lượng thiết bị thuê, không hư hỏng... Có trách nhiệm đổi thiết bị thuê trong trường hợp thiết bị thuê không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu;

- Cùng với Bên A đối chiếu thời gian thuê hàng tháng;

- Nếu Bên B bàn giao thiết bị thuê không đúng thời gian, địa điểm và các yêu cầu chất lượng, kỹ thuật thì Bên B phải chịu trách nhiệm bổ sung đầy đủ thiết bị thuê kịp thời cho Bên A trong thời gian 05 ngày.

- Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng phải phù hợp với Luật pháp của Việt Nam, nhân sự của Bên B sẽ luôn tuân thủ Luật pháp.

- Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Bên A khi chưa được Bên A đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

- Bên B có trách nhiệm đóng mọi khoản thuế, lệ phí và các loại chi phí khác theo qui định pháp luật liên quan đến hợp đồng này.

## ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết, biên bản họp thống nhất biện pháp giải quyết được coi như phụ lục Hợp đồng;

- Trong trường hợp các bên không thống nhất giải quyết được thì các Bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền xét xử. Bên thua kiện sẽ phải chịu toàn bộ án phí, chi phí khác phát sinh có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn: phí luật sư, chi phí đi

lại, phí thi hành án, cưỡng chế thi hành án, chi phí khác (nếu có)... Trong quá trình chờ đợi giải quyết các bên có liên quan vẫn phải tiếp tục thực hiện đầy đủ tất cả các điều kiện đã ghi trong Hợp đồng.

## ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

- "Bất khả kháng" là những sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài khả năng kiểm soát mà không phải do lỗi hoặc sự bất cẩn của một Bên và sự kiện này không thể ngăn cản hoặc phòng ngừa bằng mọi biện pháp và khả năng của Bên đó.

- Bất khả kháng có thể gồm nhưng không giới hạn những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh. dịch bệnh…và các thảm họa khác chưa lường hết trước được; sự thay đổi chính sách hoặc sự ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền không cho phép thực hiện dự án.

- Bên nào bị cản trở hoặc trì hoãn việc thực hiện Hợp đồng và các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do Bất khả kháng thì Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia về tình huống gây ra Bất khả kháng và các nghĩa vụ thực hiện mà theo đó bị trì hoãn hoặc cản trở.

- Trường hợp Bất khả kháng xảy ra và đang cản trở hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ nào đó theo Hợp đồng thì Bên thông báo Bất khả kháng sẽ được miễn thực hiện đúng hạn nghĩa vụ đó, tùy từng trường hợp cho đến khi các tình huống tạo ra sự cản trở hoặc trì hoãn đó chấm dứt.

- Trường hợp Bất khả kháng xảy ra, tất cả các Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện các nghĩa vụ của mình và các Bên sẽ tự chịu các chi phí tương ứng phát sinh từ Bất khả kháng hoặc do Bất khả kháng gây ra.

- Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng.

- Trong trường hợp xảy ra sự Bất khả kháng thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng mà Nhà thầu bị ảnh hưởng không thể thực hiện có các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình. và sự cố này sẽ phải được giải quyết càng sớm càng tốt với tất cả nỗ lực và sự khẩn trương cần thiết với sự nỗ lực của cả hai Bên

- Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấm dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 14 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

## ĐIỀU 10. LUẬT VÀ TRỌNG TÀI

- Luật chi phối Hợp đồng này là Luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- Mọi tranh chấp giữa các Bên không thể giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra Toà án thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Phán quyết của Tòa án thành phố Hồ Chí Minh là phán quyết cuối cùng buộc các Bên phải tuân theo.

## ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh những điều đã cam kết trong bản hợp đồng này. Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về hợp đồng kinh tế;

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động thanh lý khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ theo hợp đồng;

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để cùng thực hiện

**ĐẠI DIỆN BÊN A** **ĐẠI DIỆN BÊN B**